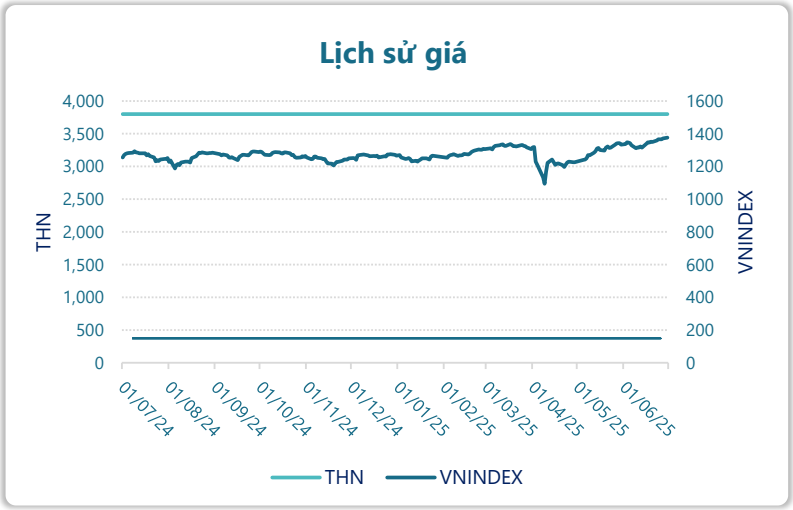
FireAnt

CTCP Cấp nước Thanh Hóa (UPCOM: THN)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**5,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,800
SL cổ phiếu LH	32,995,411
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	168
P/E	2.5
EPS	2,008

DT thuần

Q2/25

121

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 15.0| 14.5%

YoY: ▲ 2.00| 2.0%

LN sau thuế

Q2/25

17.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.20| 70.6%

YoY: ▲ 1.90| 12.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

17.7%

+/- YoY: ▲ 0.8%

DT thuần

6T 2025

228

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.00| 2.6%

LN sau thuế

6T 2025

27.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.70| 15.7%

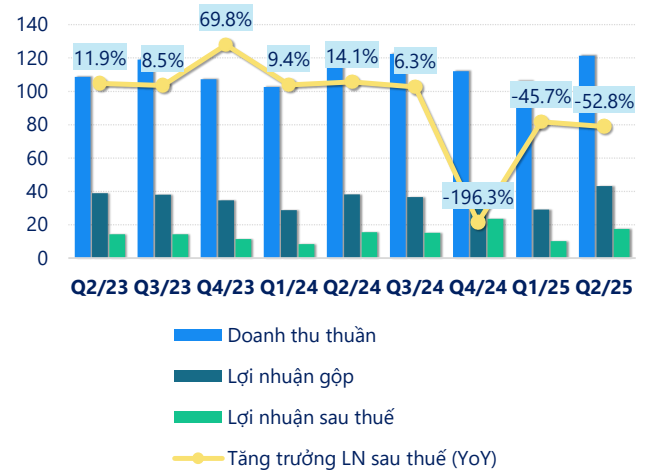
ROE

Q2/25

16.8%

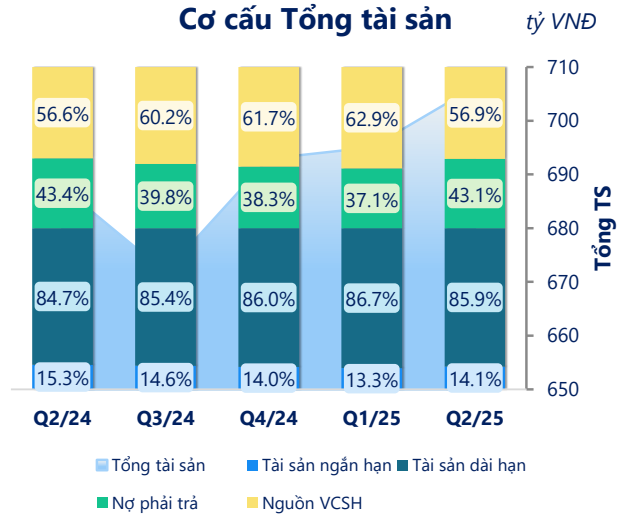
+/- YoY: ▲ 3.9%

Kết quả kinh doanh



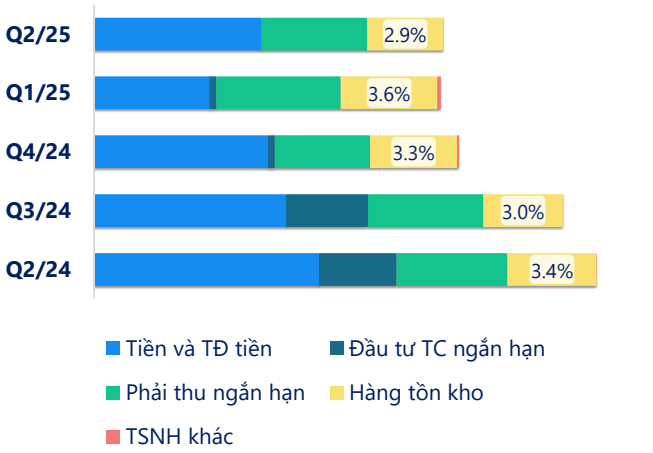
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



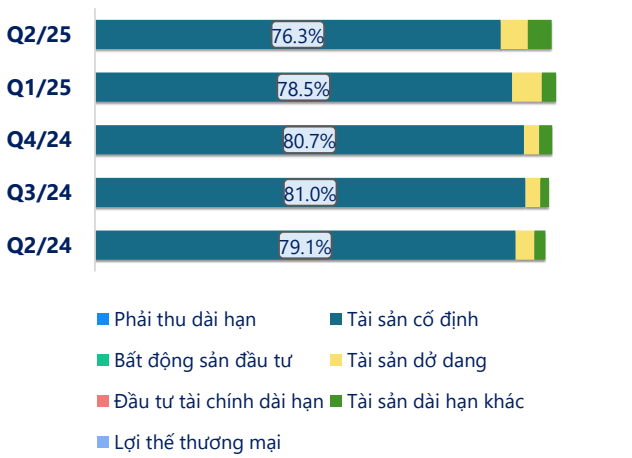
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



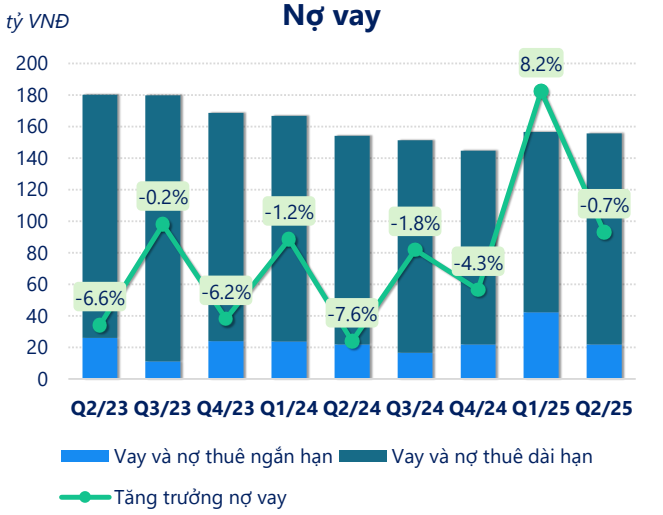
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



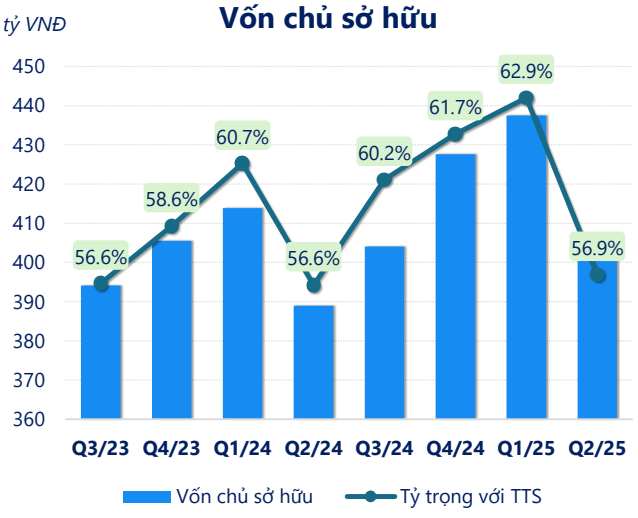
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



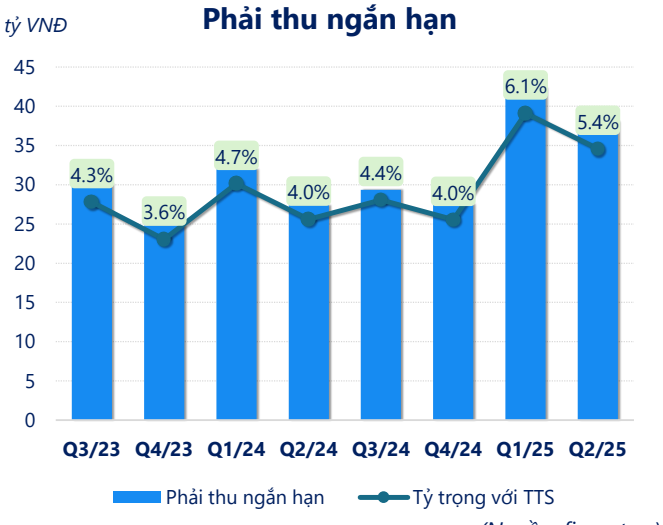
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



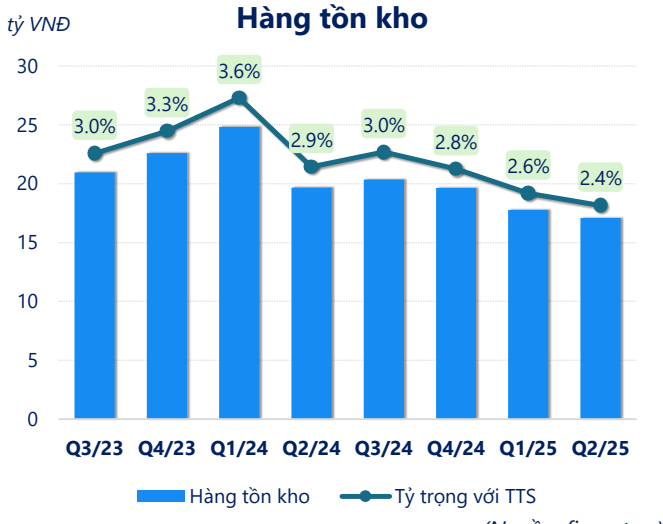
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



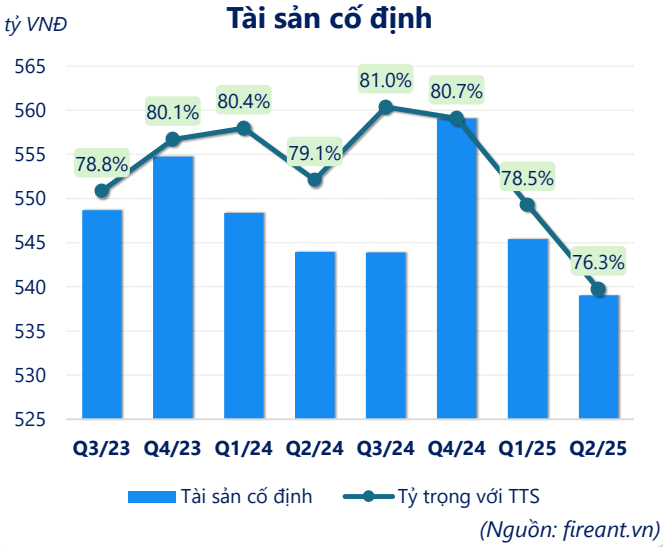
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



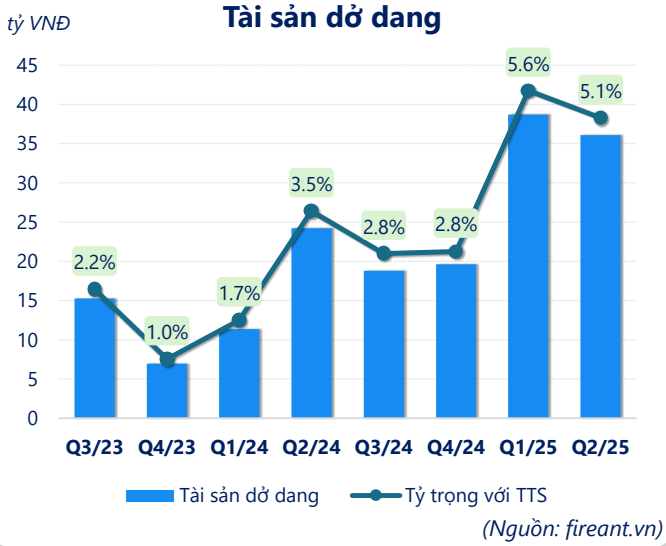
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



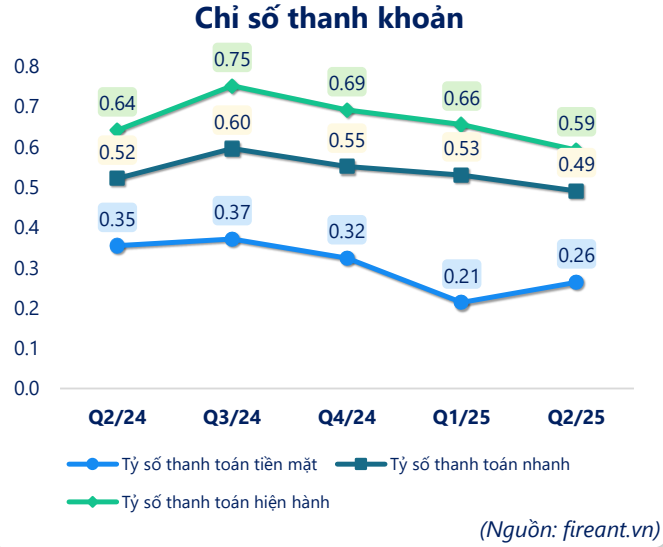
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



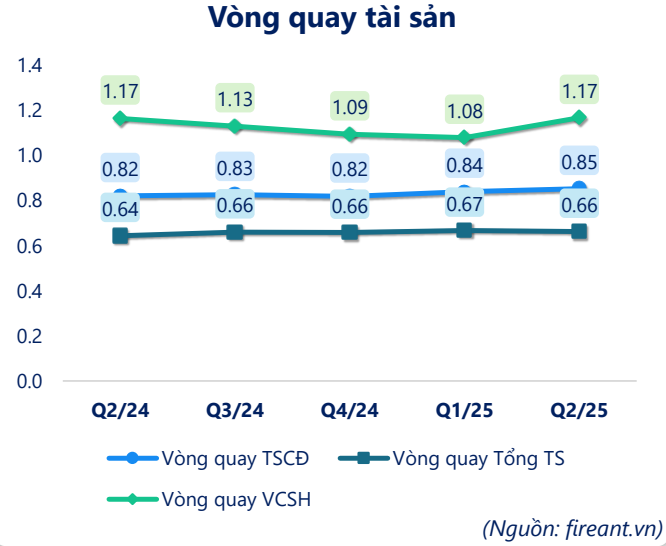
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**688**	**672**	**693**	**695**	**706**
Tài sản ngắn hạn	**105**	**98.2**	**96.9**	**92.4**	**99.8**
Tiền và tương đương tiền	58.2	48.5	45.4	30.1	44.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	27.4	29.3	27.5	42.3	38.0
Hàng tồn kho	19.7	20.3	19.6	17.8	17.1
Tài sản ngắn hạn khác	0.05	0.03	4.35	2.21	0.19
Tài sản dài hạn	**582**	**574**	**596**	**603**	**607**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	544	544	559	545	539
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	24.2	18.8	19.6	38.7	36.1
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	14.3	10.9	17.4	18.6	31.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**299**	**268**	**265**	**258**	**304**
Nợ ngắn hạn	**164**	**131**	**140**	**141**	**168**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	21.8	16.6	21.8	42.3	21.8
Phải trả người bán ngắn hạn	34.7	19.5	28.0	23.1	37.4
Nợ dài hạn	135	137	125	117	136
Vay và nợ thuê dài hạn	132	135	123	114	134
Nguồn vốn chủ sở hữu	**389**	**404**	**428**	**437**	**402**
Vốn chủ sở hữu	**389**	**404**	**428**	**437**	**402**
Vốn điều lệ	330	330	330	330	330
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)